

Số: 1225/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019 - 2025

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ nhiệm Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư;
- TTg, các PTTg;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc VN;
- Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân;
- Trợ lý TTg,
- Vụ TH;
- Lưu VT, QHQT (3).TA 5Z

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Bình Minh

CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA
Về tăng cường hợp tác và vận động
viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019 - 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1225 /QĐ-TTg
ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Phần 1
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG

Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019 - 2025 (gọi tắt là Chương trình quốc gia giai đoạn 2019 - 2025), được xây dựng trên cơ sở các văn bản sau:

- Văn kiện Đại hội toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII;
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020;
- Chiến lược phát triển bền vững 2011 - 2020;
- Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;
- Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020 tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

II. NGUYÊN TẮC VẬN ĐỘNG

1. Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vì mục đích nhân đạo và phát triển của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác phát triển khác, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước và góp phần phát triển đất nước, củng cố hoà bình trên thế giới.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các bên và sự tham gia của người dân trong quá trình triển khai các hoạt động hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

3. Xây dựng và tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác phát triển khác trên cơ sở đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam.

4. Công tác vận động và tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài phải phù hợp với các quy định pháp luật của Việt Nam; định hướng và chính sách phát triển của Nhà nước Việt Nam trong từng giai đoạn; định hướng và ưu tiên của Bộ, ngành, địa phương trong từng lĩnh vực cụ thể.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Tăng cường hợp tác và nâng cao hiệu quả nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài để thúc đẩy quan hệ của nhân dân Việt Nam với các nước trên thế giới, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể:

- a) Củng cố, mở rộng và tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác của Việt Nam với các tổ chức phi chính phủ và các đối tác phát triển khác;
- b) Duy trì, nâng cao giá trị và hiệu quả viện trợ phi chính phủ nước ngoài;
- c) Làm cho bạn bè quốc tế hiểu về quan điểm, đường lối, chính sách đối ngoại cũng như chủ trương tích cực hội nhập quốc tế và xây dựng đất nước của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

IV. NỘI DUNG ƯU TIÊN HỢP TÁC

1. Định hướng ưu tiên theo lĩnh vực: Là những lĩnh vực mà các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có lợi thế và phù hợp với các ưu tiên của Việt Nam

a) Giáo dục và đào tạo:

- Hỗ trợ đào tạo giáo viên các cấp, ưu tiên giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, giáo viên dạy trẻ khuyết tật;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục: hỗ trợ xây dựng trường học và cải thiện cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục các cấp; xây dựng hệ thống các trường dân tộc nội trú, hệ thống nhà nội trú, bán trú; phát triển hệ thống thư viện phù hợp với yêu cầu của từng cấp;

- Trao đổi giáo dục, hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, cung cấp giáo viên tình nguyện các chuyên ngành cho các trường đào tạo chuyên sâu, các trường phổ thông;

- Cấp học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt học sinh dân tộc thiểu số, học bổng đào tạo trong và ngoài nước;

- Hỗ trợ đào tạo công nghệ thông tin cho các trường phổ thông, nhất là ở vùng nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến, hỗ trợ tăng cường hệ thống kiểm định, đánh giá chất lượng, cung cấp học bổng, tăng cường hoạt động trao đổi, liên kết, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ, tăng cường gắn kết giữa đào tạo và thực hành, giữa nhà trường và doanh nghiệp...

b) Y tế:

- Đào tạo cán bộ y tế: hỗ trợ đào tạo cán bộ y tế thông qua chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi phương pháp và nghiệp vụ; cấp học bổng đào tạo cán bộ y tế trong và ngoài nước;

- Phát triển hạ tầng cơ sở y tế: nâng cấp, xây dựng, cung cấp trang thiết bị, chuyển giao công nghệ... cho các bệnh viện chuyên ngành tuyến Trung ương, tuyến tỉnh, trung tâm y tế cấp huyện và các trạm y tế cấp xã;

- Hỗ trợ việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế: các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, hỗ trợ và điều trị cho người có HIV/AIDS, phòng, chống và giảm tác hại của ma túy, tuyên truyền về nguy cơ và hiểm họa, tuyên truyền sử dụng các biện pháp tránh thai an toàn; các hoạt động dân số như: kế hoạch hóa gia đình, kiểm soát tỷ lệ sinh, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, giảm tử vong mẹ và tử vong trẻ em;

- Hỗ trợ các chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và cận thị học đường ở trẻ em, hỗ trợ cải thiện vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Hỗ trợ việc thực hiện các chương trình nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng, các bệnh truyền nhiễm, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ trong ứng phó và ngăn chặn các bệnh dịch trên diện rộng.

- Hỗ trợ xây dựng và nâng cao năng lực cho các trung tâm kiểm soát dịch bệnh.

c) Đào tạo, giáo dục nghề nghiệp:

- Hỗ trợ đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, chú trọng các vùng nông thôn, các vùng đang đô thị hóa, vùng công nghiệp hóa, vùng cận đô;

- Xây dựng chương trình đào tạo, giáo dục nghề nghiệp phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề, chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình dạy nghề hiệu quả;

- Phát triển cơ sở vật chất cho đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: xây dựng cơ sở và cung cấp trang thiết bị cho dạy nghề của hệ thống các trường, các trung tâm dạy nghề;

- Cung cấp bổ sung chuyên gia và giáo viên dạy nghề có chuyên môn cao;

- Đào tạo, dạy nghề gắn với tạo việc làm cho các đối tượng yếu thế trong xã hội, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động di cư...

d) Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn:

- Hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh;

- Phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đào tạo, tập huấn, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

- Hỗ trợ nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý nguồn lợi thủy sản ven bờ và quản lý môi trường, dịch bệnh thủy sản;

- Hạ tầng cơ sở nông thôn: phát triển hạ tầng sản xuất như các công trình thủy lợi, trạm bơm, đường liên thôn, công trình nước sạch, nhà vệ sinh...;
- Xây dựng nông thôn mới; phát triển ngành, nghề, thủ công mỹ nghệ, sản xuất và dịch vụ nhỏ; hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế thông qua tăng cường thu nhập phi nông nghiệp; hỗ trợ đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp;
- Phòng chống và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu khoa học trong nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn; hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng sản xuất vật nuôi, cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Giải quyết các vấn đề xã hội:

- Giáo dục và giúp đỡ trẻ có hoàn cảnh khó khăn (như trẻ em mồ côi, khuyết tật, không nơi nương tựa);
- Hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người có hoàn cảnh khó khăn;
- Xây dựng nhà ở cho người nghèo, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng dễ bị ảnh hưởng của thiên tai;
- Hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và tài chính cho các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng yếu thế;
- Phòng chống bạo lực gia đình, buôn bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em và hỗ trợ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới;
- Tuyên truyền, phòng ngừa và giảm thiểu tai nạn giao thông và tai nạn do thiên tai.

e) Môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và cứu trợ khẩn cấp:

- Bảo vệ và cải thiện môi trường sống, môi trường thiên nhiên, bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học, ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; các dự án hỗ trợ quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững;
- Phòng ngừa, giảm nhẹ thiên tai, trồng và bảo vệ rừng (bao gồm rừng ngập mặn, rừng chắn sóng), xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, hệ thống nhà chống lũ, đào tạo kỹ năng ứng phó khi xảy ra thiên tai...;
- Sử dụng hiệu quả và bền vững các tài nguyên đất, nước, không khí, rừng; thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển công nghệ xanh;
- Nâng cao nhận thức cộng đồng về biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phòng chống buôn bán, nuôi nhốt, giết hại các loài động vật hoang dã;
- Hỗ trợ xây dựng các mô hình xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi; hỗ trợ xây dựng các bãi xử lý rác thải tập trung và mô hình xử lý rác hộ gia đình nông thôn;
- Hỗ trợ các mô hình nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng, xây dựng mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Cứu trợ khẩn cấp khi xảy ra thiên tai, tái thiết cơ sở hạ tầng và phục hồi sản xuất;

- Hỗ trợ phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân và tán phát hoá chất độc hại.

f) Khắc phục hậu quả chiến tranh:

- Xử lý vật liệu chưa nổ và chất độc hóa học tồn lưu sau chiến tranh;

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về bom mìn, vật liệu chưa nổ và chất độc hoá học;

- Giáo dục phòng, tránh tai nạn bom, mìn;

- Hỗ trợ nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin, nạn nhân bom mìn và vật liệu nổ;

- Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và tái định cư tại các vùng bị ô nhiễm bởi vật liệu chưa nổ và chất độc hóa học tồn lưu;

g) Văn hóa, thể thao và du lịch:

- Hỗ trợ bảo tồn, nghiên cứu và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và văn hóa phi vật thể, văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số;

- Tăng cường, phát triển phong trào, hoạt động thể thao của toàn dân, thể dục thể thao trường học, hỗ trợ đào tạo huấn luyện viên, vận động viên, hỗ trợ trang thiết bị cho thể thao cộng đồng, thể thao người khuyết tật ở các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi;

- Hỗ trợ phát triển du lịch bền vững, du lịch xanh, du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng.

2. Định hướng ưu tiên theo địa bàn: Ưu tiên các tỉnh nghèo, các tỉnh miền núi, nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Nội dung ưu tiên cụ thể cần được xác định theo tình hình thực tế của mỗi địa phương.

a) Khu vực nông thôn:

- Hỗ trợ cho các huyện nghèo theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các huyện nghèo và thoát nghèo năm 2018 - 2020 và các dự án hỗ trợ giảm nghèo theo các tiêu chí tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn nghèo mới.

- Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số;

- Đào tạo, dạy nghề; phát triển ngành nghề thủ công; tạo cơ hội việc làm và thu nhập phi nông nghiệp; hỗ trợ các chương trình tài chính vi mô; hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác thủ công mỹ nghệ;

- Phát triển khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; hỗ trợ phát triển hạ tầng sản xuất như các công trình thủy lợi, trạm bơm, đường liên thôn...; xây dựng các mô hình phát triển nông thôn tổng hợp, phát triển nông thôn theo vùng, phát huy đặc điểm và lợi thế của từng vùng, bổ sung mô hình phát triển nông thôn mới;

- Đào tạo cán bộ y tế; hỗ trợ các trường đào tạo cán bộ y tế thông qua chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi phương pháp và nghiệp vụ; phát triển hạ tầng cơ sở y tế như nâng cấp, xây dựng, cấp trang thiết bị cho các bệnh viện và trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh, trung tâm y tế cấp huyện và các trạm y tế cấp xã; cấp nước sạch, nâng cao vệ sinh môi trường;

- Phòng, chống HIV/AIDS, hỗ trợ và điều trị cho người có HIV/AIDS, phòng, chống và giảm tác hại của ma túy, tuyên truyền về nguy cơ và hiểm họa, tuyên truyền sử dụng các biện pháp tránh thai an toàn, hỗ trợ các hoạt động dân số như kế hoạch hóa gia đình, kiểm soát tỷ lệ sinh, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản...;

- Đào tạo giáo viên các cấp, ưu tiên giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; xây dựng hạ tầng cơ sở giáo dục, kiên cố hóa hệ thống các trường, phân trường tiểu học và trung học cơ sở, trường mầm non và mẫu giáo, trường dân tộc nội trú, nhà nội trú, bán trú cho trẻ em dân tộc thiểu số;

- Trợ giúp các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, người khuyết tật, người cao tuổi...);

- Khắc phục hậu quả chiến tranh (rà phá vật liệu chưa nổ và tái định canh, định cư, nâng cao nhận thức về hiểm họa của bom mìn và vật liệu chưa nổ, trợ giúp nạn nhân chiến tranh, nạn nhân chất độc da cam...);

- Bảo vệ và cải thiện môi trường (trồng và bảo vệ rừng, rừng ngập mặn); bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học; bảo tồn các di sản văn hóa; ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu;

- Phát triển mô hình phòng chống và giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng.

b) Khu vực đô thị:

- Đào tạo, dạy nghề gắn với tạo việc làm;

- Phát triển ngành, nghề thủ công; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ;

- Chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ các cơ sở y tế chuyên sâu, các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội; đào tạo và đào tạo lại cán bộ y tế;

-Trợ giúp các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, người khuyết tật, người cao tuổi...), người bị xâm hại, bị mua bán, bạo lực gia đình, lao động nhập cư, di dân, tái định cư...;

- Phòng, chống HIV/AIDS, ma túy, mại dâm;

- Bảo vệ và cải thiện môi trường, giao thông đô thị.

Phần 2

BIỆN PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, các đoàn thể và người dân về công tác phi chính phủ nước ngoài và ý nghĩa việc tăng cường

quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, và các đối tác phát triển nước ngoài khác.

2. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức phi chính phủ, các đối tác khác viện trợ và triển khai hiệu quả các chương trình, dự án cho Việt Nam.

3. Tăng cường phổ biến, chia sẻ thông tin về quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài khác và công tác vận động, quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

a) Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các quy định của pháp luật Việt Nam cho các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài khác hiểu, biết và thực hiện đúng, đầy đủ các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam;

b) Các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan tăng cường trách nhiệm phối hợp, trao đổi và chia sẻ với Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và với các cơ quan các thông tin liên quan đến các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài; việc tiếp nhận, tổ chức triển khai các dự án, chương trình, các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho Việt Nam và công tác quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

c) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu toàn diện, liên thông, đáp ứng yêu cầu tra cứu nhanh và chính xác về tình hình về quan hệ hợp tác; các chương trình, dự án, các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài cần thu hút của các cơ quan, tổ chức, địa phương Việt Nam và của các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ và đối tác nước ngoài khác dành cho Việt Nam.

4. Đổi mới và đa dạng phương thức, đối tượng quan hệ hợp tác, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

a) Tăng cường tính chủ động của các cơ quan, tổ chức, địa phương trong việc xây dựng, duy trì quan hệ hợp tác, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

b) Tăng cường tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế đa phương, mạng lưới của các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài để thu hút các chương trình, dự án, các khoản tài trợ cho Việt Nam.

c) Tăng cường sự chủ động xây dựng mạng lưới các chuyên gia, học giả, các nhà hoạt động xã hội có uy tín, các doanh nhân Việt Nam và nước ngoài hỗ trợ, đồng hành và tham gia giới thiệu, kết nối quan hệ với các tổ chức phi chính phủ và nhà tài trợ nước ngoài; và tham gia vào việc trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin trong công tác vận động, sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài cả ở trong và ngoài nước.

d) Xây dựng mạng lưới kết nối người Việt Nam làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam để chia sẻ thông tin thông tin, trao đổi kinh nghiệm tư vấn cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài xây dựng chương trình hoạt động dài hạn, triển khai các chương trình, dự án thiết thực, hiệu quả cho Việt Nam

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá để nâng cao hiệu quả sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

a) Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát;

b) Tăng cường sự tham gia giám sát của cộng đồng;

c) Công khai, minh bạch các chương trình, dự án, các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

6. Nâng cao năng lực cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phi chính phủ nước ngoài:

a) Củng cố và nâng cao năng lực chuyên môn đối với cơ quan phụ trách về quan hệ, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao;

b) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn; kỹ năng vận động, triển khai các chương trình, dự án, sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho các cơ quan, tổ chức và cán bộ tham gia làm công tác phi chính phủ nước ngoài ở các cấp, các ngành;

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài:

a) Đôn đốc, theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;

b) Báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh nội dung định hướng vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài (nếu cần thiết) nhằm đáp ứng tình hình thực tiễn và nhiệm vụ mới.

2. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam làm đầu mối:

a) Về quan hệ và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định;

b) Theo dõi, tổng hợp, chia sẻ thông tin về quan hệ hợp tác, công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài với các Bộ, cơ quan và các địa phương;

c) Hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài khác trong quan hệ hợp tác và viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho Việt Nam phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Việt Nam;

d) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho các cơ quan, tổ chức, địa phương về kiến thức và kỹ năng trong công tác vận động viện trợ phi chính phủ và triển khai các chương trình, dự án do các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ nước ngoài khác tài trợ.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Xem xét cụ thể hóa nội dung công việc để triển khai Chương trình phù hợp chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình;

b) Rà soát các quy định pháp luật, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền và xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc triển khai các chương trình, dự án, sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo chức năng nhiệm vụ;

d) Phối hợp, hỗ trợ Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong triển khai thực hiện Chương trình.

4. Kinh phí tổ chức triển khai Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước và kinh phí đóng góp từ các nguồn hợp pháp khác trong và ngoài nước. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam xây dựng dự toán kinh phí hàng năm phù hợp với nhiệm vụ được giao và quy định của Luật ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền quyết định.



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Bình Minh